

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2021/06/07	New production.	DV/GS-0008	Do Quang Ha	Pham Phu Quoc	Ha Ngoc Tien	0.1, 0.2, 0.3, 0.5
△							6 < , ≤ 30 ± 0.1
△							30 < , ≤ 120 ± 0.2
△							120 < , ≤ 400 ± 0.3
△							400 < , ≤ 1200 ± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

FINISH MARKS

Ra 3.2

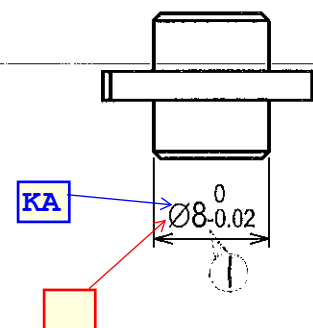
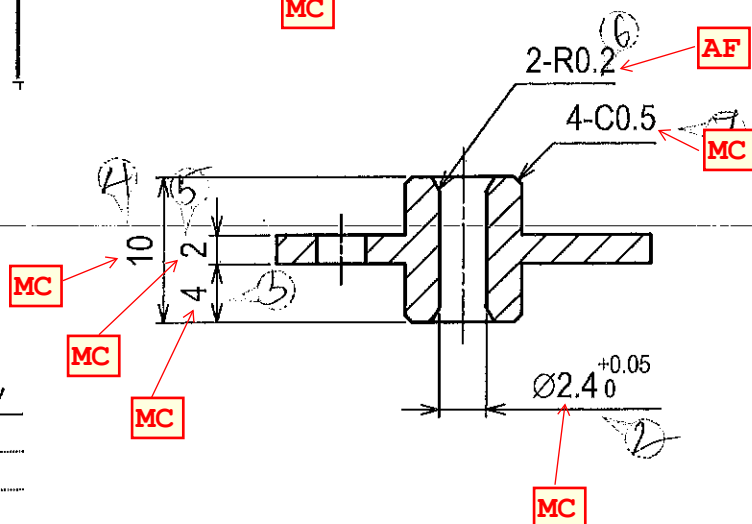
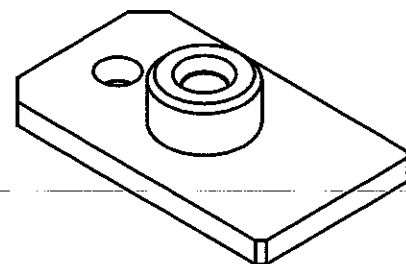
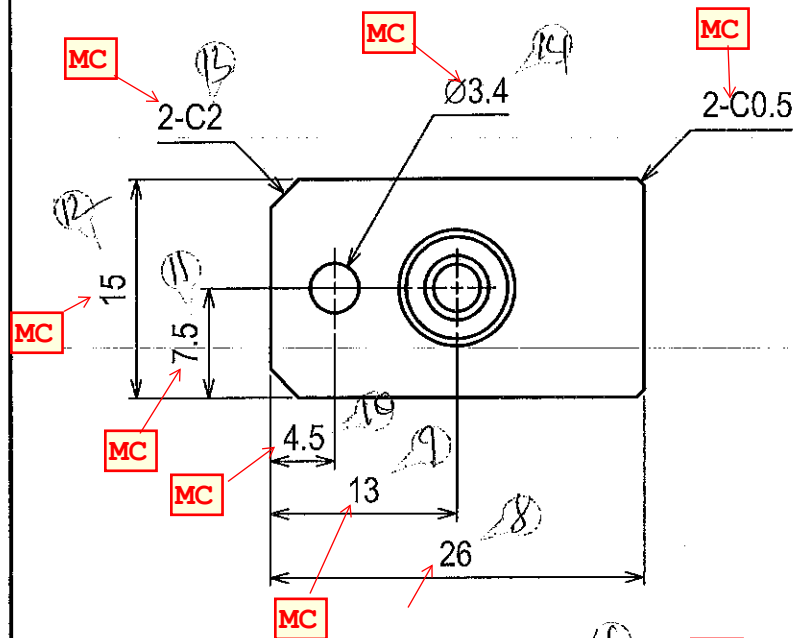
Not indicate

C0.3

AA-MA ra phôi 3 pcs/khối:

T10*15*92

MC:Gia công OK tất cả kích thước



CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Ha_Ngoc_Tien	C1720	2:1	部品図 PART DRAWING	シャフト SHAFT
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品図 部品圖	軸 軸
Pham_Phu_Quoc	HG(315DC-180M)	SIZE	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Pham_Phu_Quoc	HRC 37	A4	2016/10/16	R422363

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 302 0202

SNO: **R422363**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **3 PC**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: C1720 T10*25*36	AA:10 MA:10 MC:40 KA:1 HT:40 AF:5 KT